

**UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VƯƠNG**

**CÔNG KHAI NGÂN SÁCH**  
**QUÍ 1/2025 THEO TT90**

## QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công khai thu, chi ngân sách quý 1 năm 2024 của  
Trường Tiểu học Trung Vương”

*Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học được quy định trong Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 09/QĐ- PGD&ĐT ngày 03/01/2025 về việc giao dự toán thu- chi năm 2025”.*

*Căn cứ vào bảng đối chiếu ngân sách quý 1/2025 của trường TH Trung Vương;*

*Xét đề nghị của bộ phận tài chính.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách quý I năm 2025 của trường Tiểu học Trung Vương (kèm theo biểu số 03)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, kế toán và toàn thể giáo viên trong nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
  
**Đào Thị Bích Thủy**

**“Về việc niêm yết công khai ngân sách quý 1/2025 của trường tiểu học Trưng Vương”**

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 10h00' ngày 03/04/2025 niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại nhà trường/



Đào Thị Bích Thủy

CHỦ TỊCH CÔNG  
ĐOÀN

Nguyễn Thị Thu Hà

THƯ KÝ

Nguyễn Thùy Dương

Đơn vị: Trường Tiểu Học Trưng Vương  
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quang Trung, ngày 05 tháng 04 năm 2025

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/ 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Tiểu Học Trưng Vương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                           | Dự toán năm | Thực hiện quý I/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý I/2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                  | 3           | 4                    | 5                                   | 6                                                           |
| A     | <b>Lệ phí</b>                                      |             |                      |                                     |                                                             |
| I     | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |             |                      |                                     |                                                             |
| 1     | Lệ phí                                             |             |                      |                                     |                                                             |
|       | Lệ phí...                                          |             |                      |                                     |                                                             |
|       | Lệ phí...                                          |             |                      |                                     |                                                             |
| 2     | Phí                                                |             |                      |                                     |                                                             |
|       | Phí ...                                            |             |                      |                                     |                                                             |
|       | Phí ...                                            |             |                      |                                     |                                                             |
| II    | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |             |                      |                                     |                                                             |
| I     | <b>Chi sự nghiệp</b>                               |             |                      |                                     |                                                             |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |             |                      |                                     |                                                             |
| b     | KP nhiệm vụ không thường xuyên                     |             |                      |                                     |                                                             |
| B     | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              |             |                      |                                     |                                                             |
| I     | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |             |                      |                                     |                                                             |
| 3     | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> |             |                      |                                     |                                                             |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 9.782,252   | 2.334,702            | 23,87%                              | 128,75%                                                     |
| 3.2   | KP nhiệm vụ không thường xuyên                     | 763,25      | 67,8610              | 8,89%                               | 143,10%                                                     |

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

Kế Toán



Trần Thị Nền

Thư Trưởng Đơn Vị



Đào Thị Bích Thủy

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3



Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 02/04/2025 16:49:44  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 -  
Kho bạc Nhà nước Khu vực III  
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối  
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

## BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2025

| Mã nguồn NSNN  | Mã ngành kinh tế | Mã CTMT, DA | DT năm trước chuyển sang | Dự toán giao đầu năm | DT năm nay     |                       | DT được sử dụng trong năm | DT đã sử dụng |                      | DT đã Cam kết chi |                      | DT giữ lại | DT còn lại    |
|----------------|------------------|-------------|--------------------------|----------------------|----------------|-----------------------|---------------------------|---------------|----------------------|-------------------|----------------------|------------|---------------|
|                |                  |             |                          |                      | Trong kỳ       | Lũy kế đến kỳ báo cáo |                           | Trong kỳ      | Số dư đến kỳ báo cáo | Trong kỳ          | Số dư đến kỳ báo cáo |            |               |
| A              | B                | C           | 1                        | 2                    | 3              | 4                     | 5=1+4                     | 6             | 7                    | 8                 | 9                    | 10         | 11=5-7-9      |
| 12             | 072              | 00000       | 0                        | 320.250.000          | 390.250.000    | 390.250.000           | 390.250.000               | 67.860.974    | 67.860.974           | 0                 | 0                    | 0          | 322.389.026   |
| 13             | 072              | 00000       | 0                        | 9.782.252.000        | 9.886.398.000  | 9.886.398.000         | 9.886.398.000             | 2.334.702.282 | 2.334.702.282        | 0                 | 0                    | 0          | 7.551.695.718 |
| 18             | 072              | 00000       | 0                        | 443.000.000          | 443.000.000    | 443.000.000           | 443.000.000               | 0             | 0                    | 0                 | 0                    | 0          | 443.000.000   |
| Cộng:          |                  |             | 0                        | 10.545.502.000       | 10.719.648.000 | 10.719.648.000        | 10.719.648.000            | 2.402.563.256 | 2.402.563.256        | 0                 | 0                    | 0          | 8.317.084.744 |
| Phần KBNN ghi: |                  |             |                          |                      |                |                       |                           |               |                      |                   |                      |            |               |

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

### KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hoàng Cúc

Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 02/04/2025 16:49:44  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

### ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 01/04/2025 06:51:16  
Đơn vị: Trường tiểu học Trưng Vương

Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 01/04/2025 06:51:16  
Đơn vị: Trường tiểu học Trưng Vương

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3



Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 02/04/2025 16:49:26  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 -  
Kho bạc Nhà nước Khu vực III  
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối  
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

## BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

| Nội dung                                                    | Mục lục NSNN  |                  |         |             | Tạm ứng            |                      | Thực chi           |                      | Tổng               |                      |
|-------------------------------------------------------------|---------------|------------------|---------|-------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
|                                                             | Mã nguồn NSNN | Mã ngành kinh tế | Mã NDKT | Mã CTMT, DA | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo |
| A                                                           | B             | C                | D       | E           | 1                  | 2                    | 3                  | 4                    | 5=1+3              | 6=2+4                |
| Phụ cấp khác                                                | 12            | 072              | 6149    | 00000       | 0                  | 0                    | 67.860.974         | 67.860.974           | 67.860.974         | 67.860.974           |
| Lương theo ngạch, bậc                                       | 13            | 072              | 6001    | 00000       | 0                  | 0                    | 1.079.044.200      | 1.079.044.200        | 1.079.044.200      | 1.079.044.200        |
| Phụ cấp chức vụ                                             | 13            | 072              | 6101    | 00000       | 0                  | 0                    | 16.848.000         | 16.848.000           | 16.848.000         | 16.848.000           |
| Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm                       | 13            | 072              | 6107    | 00000       | 0                  | 0                    | 1.404.000          | 1.404.000            | 1.404.000          | 1.404.000            |
| Phụ cấp ưu đãi nghề                                         | 13            | 072              | 6112    | 00000       | 0                  | 0                    | 370.129.500        | 370.129.500          | 370.129.500        | 370.129.500          |
| Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc               | 13            | 072              | 6113    | 00000       | 0                  | 0                    | 2.106.000          | 2.106.000            | 2.106.000          | 2.106.000            |
| Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề        | 13            | 072              | 6115    | 00000       | 0                  | 0                    | 176.772.726        | 176.772.726          | 176.772.726        | 176.772.726          |
| Bảo hiểm xã hội                                             | 13            | 072              | 6301    | 00000       | 0                  | 0                    | 222.716.361        | 222.716.361          | 222.716.361        | 222.716.361          |
| Bảo hiểm y tế                                               | 13            | 072              | 6302    | 00000       | 0                  | 0                    | 38.179.947         | 38.179.947           | 38.179.947         | 38.179.947           |
| Kinh phí công đoàn                                          | 13            | 072              | 6303    | 00000       | 0                  | 0                    | 25.453.299         | 25.453.299           | 25.453.299         | 25.453.299           |
| Bảo hiểm thất nghiệp                                        | 13            | 072              | 6304    | 00000       | 0                  | 0                    | 12.726.648         | 12.726.648           | 12.726.648         | 12.726.648           |
| Chi khác                                                    | 13            | 072              | 6449    | 00000       | 0                  | 0                    | 6.505.200          | 6.505.200            | 6.505.200          | 6.505.200            |
| Tiền điện                                                   | 13            | 072              | 6501    | 00000       | 0                  | 0                    | 9.352.001          | 9.352.001            | 9.352.001          | 9.352.001            |
| Tiền nước                                                   | 13            | 072              | 6502    | 00000       | 0                  | 0                    | 6.403.320          | 6.403.320            | 6.403.320          | 6.403.320            |
| Văn phòng phẩm                                              | 13            | 072              | 6551    | 00000       | 0                  | 0                    | 19.318.000         | 19.318.000           | 19.318.000         | 19.318.000           |
| Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện | 13            | 072              | 6608    | 00000       | 0                  | 0                    | 4.246.400          | 4.246.400            | 4.246.400          | 4.246.400            |

|                                        |    |     |      |       |   |   |               |               |               |               |
|----------------------------------------|----|-----|------|-------|---|---|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Tiền vé máy bay, tàu, xe               | 13 | 072 | 6701 | 00000 | 0 | 0 | 300.000       | 300.000       | 300.000       | 300.000       |
| Tiền thuê phòng ngủ                    | 13 | 072 | 6703 | 00000 | 0 | 0 | 300.000       | 300.000       | 300.000       | 300.000       |
| Thuê lao động trong nước               | 13 | 072 | 6757 | 00000 | 0 | 0 | 59.520.000    | 59.520.000    | 59.520.000    | 59.520.000    |
| Các thiết bị công nghệ thông tin       | 13 | 072 | 6912 | 00000 | 0 | 0 | 16.870.000    | 16.870.000    | 16.870.000    | 16.870.000    |
| Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động | 13 | 072 | 7004 | 00000 | 0 | 0 | 9.840.000     | 9.840.000     | 9.840.000     | 9.840.000     |
| Chi khác                               | 13 | 072 | 7049 | 00000 | 0 | 0 | 209.280.000   | 209.280.000   | 209.280.000   | 209.280.000   |
| Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện    | 13 | 072 | 7757 | 00000 | 0 | 0 | 3.858.500     | 3.858.500     | 3.858.500     | 3.858.500     |
| Chi các khoản khác                     | 13 | 072 | 7799 | 00000 | 0 | 0 | 43.528.180    | 43.528.180    | 43.528.180    | 43.528.180    |
| Cộng:                                  |    |     |      |       | 0 | 0 | 2.402.563.256 | 2.402.563.256 | 2.402.563.256 | 2.402.563.256 |
| Phần KBNN ghi:                         |    |     |      |       |   |   |               |               |               |               |

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hoàng Cúc

Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 02/04/2025 16:49:26  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Trần Thị Nền  
Ngày ký: 01/04/2025 06:53:31  
Đơn vị: Trường tiểu học Trưng Vương

Trần Thị Nền

Người ký: Đào Thị Bích Thủy  
Ngày ký: 01/04/2025 06:53:48  
Đơn vị: Trường tiểu học Trưng Vương

Đào Thị Bích Thủy